ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHÚC THỪA DỤ

Biểu số 119/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân quyết phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 26 /03/2026 của UBND xã)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
A	**TỔNG SỐ**		**166.272**	**0**	**71.138**	**38.089**	**38.089**	**43.788**	
I	**Công trình chuyển tiếp**		**152.639**	**-**	**71.138**	**38.089**	**38.089**	**38.089**	
1	0083.036800143-Trụ sở làm việc Công an xã Kiến Quốc	2022	7.113,9		2.000	3.726	3.726	3.726	
2	0083.036800225-Nhà hiệu bộ trường MN Hồng Phong	2020	5.205,00		757	4.062	4.062	4.062	
3	0083.036800379-Trường MN Hồng Phong, HM: phòng giáo dục thể chất và khu vui chơi PT vận đông	2024	1.244,5		-	604	604	604	
4	0083.036800349-Mái che sân trường mầm non xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang	2022	399,40			472	472	472	

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
5	0083.036800098-Nhà hiệu bộ và phục vụ học tập trường Mầm Non Đông Xuyên	2022	6.829		701	2.001	2.001	2.001	
6	0083.036800318-Cải tạo sân trường Tiểu học Kiến Quốc, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang	2024	1.192		-	1.151	1.151	1.151	
7	0083.036800097-Xây dựng vườn cổ tích trường mầm non Đông Xuyên	2021	495		400	23	23	23	
8	0083.036800178-Trường MN xã Hồng Phong	2020	6.867		-	1.105	1.105	1.105	
9	0083.036800263-Cải tạo, nâng cấp các phòng học và các hạng mục phụ trơ trường MN Ninh Hải	2024	1.106		544	561	561	561	
10	0083.036800389-Trường MN Kiến Quốc, HM: San lấp mặt bằng bể nước				-	75	75	75	
11	0083.036800396-Các HM phụ trợ Trường Mầm non trung tâm xã Hồng Phong	2020	186,4		-	186	186	186	
12	0083.420180058-Công trình trường mầm non xã Hồng Phong	2019	3274		1.157	2.113	2.113	2.113	

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
13	0083.420180068-Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non trung tâm Hồng Phong	2018	11.282		7.163	854	854	854	
14	0083.420200009-Các công trình phụ trợ trường MN trung tâm xã Hồng Phong	2019	9940,1		1.000	2.068	2.068	2.068	
15	0083.420200024-Trường Mầm Non xã Đông Xuyên , HM: San lấp mặt bằng, sân vườn, cổng tường rào	2020	5.171		4.090	134	134	134	
16	0083.7099494-Nhà lớp học 2T10P và 2T4P trường MN Kiến Quốc				-	201	201	201	
17	0083.036800297-Cải tạo, nâng tầng nhà lớp học 2T8P trường Tiểu học Đông xuyên	2024	3.758		-	3.644	3.644	3.644	
18	0083.036800364-Nhà vệ sinh trường tiểu học Đông Xuyên	2023	1.206		-	1.189	1.189	1.189	
19	0083.036800399-Nhà đa năng + mái che hành lang khu vệ sinh trường TH Hông Phong	2022	489,3		-	347	347	347	
20	0083.036800099-Công trình các hạng mục phụ trợ trường THCS Đông Xuyên, HM: sân đường, tường rào	2022	1.945		1.016	469	469	469	

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
21	0083.036800135-Nhà vệ sinh trường THCS Đông Xuyên huyện Ninh Giang	2022	881		376	179	179	179	
22	0083.036800262-Nâng cấp mái tầng 3 và cải tạo nhà lớp học (tòa nhà cũ) trường THCS Ninh Hải xã Ninh Hải	2024	608		300	308	308	308	
23	0083.036800266-Trường THCS Hồng Phúc, HM: Nhà vệ sinh, sân bê tông, phá dỡ vệ sinh và tường rào cũ				55	393	393	393	
24	0083.420180003-Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCS Hồng Phong	2017	4.595,5		3.212	1.034	1.034	1.034	
25	0083.420170004-Cải tạo sửa chữa trạm Y tế xã Đông Xuyên	2017	510,5		-	35	35	35	
26	0083.420170018-Sửa chữa Trạm Y tế xã Hồng Phúc	2015	649		-	250	250	250	
27	Cải tạo nâng cấp tuyến đường kết nối từ Đền thờ Khúc Thừa Dụ, Kiến quốc - Đông Xuyên, giai đoạn 1 (đoạn từ đền thờ Khúc Thừa Dụ đến đường tỉnh 396)	2024	970		532	119	119	119	
28	0083.036800317-Cải tạo đường trục xã Kiến Quốc; Đoạn từ Cầu xã đến Trạm bơm thôn Ngọc Chi (Bổ sung một số đoạn vuốt nối và láng mặt nhựa đợt 2)	2024	550		-	540	540	540	

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
29	0083.036800101-Công trình: Kè đường liên xã đoạn từ cống mới đến nhà ông Long thôn Xuyên Hử	2022	1.211		-	168	168	168	
30	0083.420200048-Xây dựng kênh tưới nước xã Hồng Phúc				1.100	85	85	85	
31	0083.036800100-Cải tạo, nâng cấp đoạn đường từ cầu ông Gôn thôn Đông Cao nối đường tỉnh 396C	2022	4.874		1.800	989	989	989	
32	0083.036800160-Cải tạo nâng cấp đường thôn Đà Phố xã Hồng Phúc , Đoạn tuyến : Từ nhà ông Phục ra dốc đê Đà Phố	2022	3138,9		500	447	447	447	
33	0083.036800260-Cải tạo đường trục xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang	2024	974		655	226	226	226	
34	0083.036800056-Phụ trợ Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hồng Phong HM: Hệ thống sân vườn, cổng, tường rào, nhà xe, nhà bảo vệ	2019	2.411		1.400	497	497	497	
35	0083.036800090-Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đông Xuyên, HM: Cổng, tường rào; Nhà bảo vệ; Nhà để xe	2022	7.044		4.524	2.067	2.067	2.067	
36	0083.036800120-Ao bơi hợp vệ sinh xã Hồng Phúc	2022	2.190		1.775	412	412	412	

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
37	0083.036800142-Trụ sở UBND xã Đông Xuyên, Hạng mục: Xây dựng nhà vệ sinh	2022	200		100	96	96	96	
38	0083.036800214-San lấp sân thể thao thôn Bồng Lai , xã Ninh hải , huyện Ninh Giang	2023	2.250		1.985	265	265	265	
39	0083.036800397-Nâng cấp, cải tạo chợ bò xã Hồng phong, Ninh Giang	2019	732,7		-	229	229	229	
40	0083.420160020-Nhà văn hóa trung tâm xã Hồng Phong	2015	4.977		4.804	278	278	278	
41	0083.420170030-Nhà làm việc 3 tầng UBND xã Hồng Phong. HM: Nhà làm việc 1 tầng móng 3 tầng.	2016	5030,6		4.282	590	590	590	
42	0083.420170074-Tru so lam viec HDND-UBND xa Hong Phuc	2018	995		609	384	384	384	
43	0083.420180062-Sân vận động thôn Đà Phố xã Hồng Phúc, Hạng mục: San lấp mặt bằng và rãnh thoát nước	2018	711		506	101	101	101	
44	0083.420190004-Nhà làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND Hồng Phúc	2018	11.033		1.089	1.338	1.338	1.338	

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
45	0083.420190020-Nâng T2,T3,mái chống nóng NLV trụ sở ĐU-HĐND-UBND xã Hồng Phong	2016	5031		4.180	823	823	823	
46	0083.420190035-Phụ trợ trụ sở Đảng ủy-HĐND- UBND xã Hồng Phúc	2018	2.680		1.185	596	596	596	
47	0083.420190067-Sân thể thao thôn Đà phố xã Hồng Phúc, HM : Sân khấu, tôn cát nền				200	38	38	38	
48	0083.420190084-Nhà văn hóa trung tâm xã Ninh Hải. HM: sơn tường, trần thạch cao...	2017	414,6		-	22	22	22	
49	0083.7710228-Trụ sở ĐU-HĐND-UBND xã Đông Xuyên HM: San lấp mặt bằng, móng tường rào, NLV 3T	2020	14.982,4		13.057	327	327	327	
50	0083.420170035- Nang cấp nghĩa trang Liệt sỹ xã Đông Xuyên. HM phá dỡ công trình cũ, san lấp, xây mới nhà bia.	2016	922,0		629	195	195	195	
51	0083.420180010-Nâng cấp nghĩa trang Liệt sỹ xã Đông Xuyên HM: Cổng, tường rào, sân, vườn, kỳ đài, mộ liệt sỹ	2017	4.367,7		3.455	71	71	71	
II	**Công trình khởi công mới**		**13.633**					**5.699**	

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
1	0083.8168409-Nghĩa trang Liệt sỹ Kiến Quốc	2025	12.412					5.061	
2	0083.036800313-Trường THCS Ninh Hải, HM: phụ trợ sân, bồn cây, bồn hoa, rãnh thoát nước	2025	1.221					638	